

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 30.11.2022

THIỆN PHÁP TẠO NGÔI TRỜI
Kinh Hạnh Nguyên (Vatapadasuttam)
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ HAI (S. i, 228)

Nhân gian thường quan niệm Ngọc hoàng Thượng đế trong vai trò thưởng thiện phạt ác. Rất thú vị trong Phật pháp quả vị này không tạo ra sự định đặt cái gì là thiện, cái gì là ác mà ngôi trời do thiện pháp mà thành. Dĩ nhiên nói về cái tốt theo Phật pháp không phải chỉ có thiên đạo, nhân đạo mà còn có Phật đạo hay đạo giải thoát. Bảy pháp tác thành quả vị thiên chủ để thích nói lên đời sống tốt đối với xã hội nhân quần. Điều thú vị không phải chỉ nói về “tinh thần nhân bản” mà còn là thiện pháp sanh thiên.



Kinh Văn

Sāvattiyam.

“Sakkassa, bhikkhave, devānamindassa pubbe manussabhūtassa satta vatapadāni samattāni samādinnaṇi ahesuṃ, yesaṃ samādinnaṇā sakkattam ajjhagā.

Tại Sāvatti.

Này các Tỳ khưu, thuở xưa khi Thiên chủ Sakka còn thân nhân loại, vị này thọ trì bảy hạnh nguyện. Do thọ trì bảy hạnh nguyện này vị ấy đạt được quả vị Thiên chủ Đế Thích.

Katamāni satta vatapadāni?

Yāvajīvaṃ mātāpettibharo assaṃ, yāvajīvaṃ kule jettḥāpacāyī assaṃ, yāvajīvaṃ saṅhavāco assaṃ, yāvajīvaṃ apisuṇavāco assaṃ, yāvajīvaṃ

**vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvaseyyaṃ muttacāgo payatapāṇi
vossaggarato yācayogo dānaṣaṃvibhāgarato, yāvajīvaṃ saccavāco assaṃ,
yāvajīvaṃ akkodhano assaṃ – sacepi me kodho uppajjeyya, khippameva naṃ
paṭivineyya”nti.**

Bảy hạnh nguyện gồm những gì?

"Cho đến trọn đời, nguyện phụng dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, nguyện kính trọng huynh trưởng. Cho đến trọn đời, nguyện nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, nguyện không nói lời chia rẽ. Cho đến trọn đời, sống với tâm không bợn nhơ bợn sền, sống với tâm bố thí, với bàn tay rộng mở, hoan hỷ xả tài, nhiệt tình với từ thiện, hoan hỷ trong ban bố và chia sẻ. Cho đến trọn đời, nguyện nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, nguyện không phẫn nộ, nếu có phẫn nộ, nguyện sẽ nhanh chóng đoạn trừ phẫn nộ ấy".

**“Sakkassa, bhikkhave, devānamindassa pubbe manussabhūtaṣṣa imāni satta
vatapadāni samattāni samādinnaṇi ahesuṃ, yesaṃ samādinnaṭṭā sakko
sakkattaṃ ajjhagā”ti.**

Này các Tỳ khuru, thuở xưa khi Thiên chủ Sakka còn thân nhân loại, vị này thọ trì bảy hạnh nguyện. Do bảy hạnh nguyện này vị ấy đạt được quả vị Thiên chủ Đệ Thích.

**“Mātāpettibharaṃ jantaṃ, kule jettāpacāyinaṃ;
Saṅhaṃ sakhilasambhāsaṃ, pesuṇeyyappahāyinaṃ.**

**“Maccheravinaye yuttaṃ, saccam kodhābhibhuṃ naraṃ;
Taṃ ve devā tāvatimsā, āhu sappuriso itī”ti.**

“Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Ché ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ,
Với con người như vậy,
Chư Thiên tam thập tam,
Gọi là bậc Chơn nhơn.



Thích văn

“**Mātāpettibharam jantum** = ai phụng dưỡng mẹ cha
kule jetthāpacāyinaṃ = kính trọng bậc huynh trưởng
Saṅham sakhilasambhāsam = nói những lời hoà ái
pesuṇeyyappahāyinaṃ = từ bỏ lời chia rẽ

“**Maccheravinaye yuttam**, = người đoạn trừ xan tham
saccam kodhābhibhum naram = chân thật, diệt phần nộ
Tam ve devā tāvatimsā = chư thiên tam thập tam
āhu sappuriso itī”ti = gọi là bậc chân nhân



Thích nghĩa

Đế Thích là ngôi vị thiên chủ của cõi trời Đao Lợi.

Cõi Tam Thập Tam Thiên được gọi như vậy vì là cõi mà Đế Thích và 32 người bạn cùng nhau làm thiện sự công ích nên đồng sanh vào cõi này trong vai trò chủ quản mà Sakka là ngôi vị cao nhất.

Chữ vatapada là lời nguyện thiêng liêng. Ý nghĩa này mạnh hơn chữ tâm nguyện. Và là điều tự phát tâm chứ không phải học giới hoặc “điều răn”

Cụm từ satta vatapadāni samattāni samādinnāni ahesuṃ được hiểu theo Sớ Giải samattāni là paripunṇāni và samādinnāni là gahitāni được dịch chung là thọ trì trong ý nghĩa kết hợp như thọ giới và trì giới.

Kinh Bốn Sanh số 31 (Jataka no.31) cũng ghi lại câu chuyện tiền thân của Đức Phật Gotama từng thọ trì bảy thiện pháp như được đề cập trong kinh này và cũng nhờ đó sanh làm thiên chủ đế thích.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

1. Vatapadasuttaṃ [Mūla]

257. Sāvattiyaṃ. “Sakkassa, bhikkhave, devānamindassa pubbe manussabhūtaṃ satta vatapadāni [vattapadāni (ka.)] samattāni samādinnaṃ ahesuṃ, yesaṃ samādinnaṃ sakko sakkattaṃ ajjhagā. Katamāni satta vatapadāni? Yāvajīvaṃ mātāpettibharo assaṃ, yāvajīvaṃ kule jetṭhāpacāyī assaṃ, yāvajīvaṃ saṅhavāco assaṃ, yāvajīvaṃ apisuṇavāco assaṃ, yāvajīvaṃ vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvaseyyaṃ muttacāgo payatapāṇi vossaggarato yācayogo dānaṃvibhāgarato, yāvajīvaṃ saccavāco assaṃ, yāvajīvaṃ akkodhano assaṃ – sacepi me kodho uppajjeyya, khippameva naṃ paṭivineyya”nti. “Sakkassa, bhikkhave, devānamindassa pubbe manussabhūtaṃ imāni satta vatapadāni samattāni samādinnaṃ ahesuṃ, yesaṃ samādinnaṃ sakko sakkattaṃ ajjhagā”ti.

“Mātāpettibharaṃ jantaṃ, kule jetṭhāpacāyinaṃ;
Saṅhaṃ sakhilasambhāsaṃ, pesuṇeyyappahāyinaṃ.

“Maccheravinaye yuttaṃ, saccaṃ kodhābhibbuṃ naraṃ;
Taṃ ve devā tāvatimsā, āhu sappuriso itī”ti.

1. Vatapadasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

257. Dutiyavaggassa paṭhame vatapadānīti vatakoṭṭhāsāni. **Samattānīti** paripuṇṇāni. **Samādinnaṃ** gahitāni. **Kule jetṭhāpacāyīti** kulajetṭhakānaṃ mahāpitā mahāmātā cūlapitā cūlamātā mātulo mātulanītiādīnaṃ apacitikāraṃ. **Saṅhavācoti** piyamudumadhuravāco. **Muttacāgoti** vissatṭhacāgo. **Payatapāṇīti** deyyadhammadānatthāya sadā dhotahatto. **Vossaggaratoti** vossajjane rato. **Yācayogoti** parehi yācitabbāraho, **yācayogoti** vā yācayogeneva yutto. **Dānaṃvibhāgaratoti** dāne ca saṃvibhāge ca rato. Paṭhamam.